TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG TRÔM** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 12/10/2017
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Ân.

2. Ông Đỗ Thanh Tuyến.

Thư ký phiên toà: Bà Phạm Minh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm.

Ngày 12 ngày 10 năm 2017, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 301/2017/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 121/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Đặng T**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh B.

- *Bị đơn:* Anh **Võ C**, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp B, xã C, huyện G, tỉnh B.

Tại phiên tòa, chị D có mặt; anh C vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 05/7/2017, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Đặng D trình bày:

Chị và anh Võ C chung sống với nhau từ năm 2013, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B vào ngày 10/11/2014, hôn nhân xây dựng trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, cuộc sống vợ chồng thường xuyên căng thẳng, anh C không quan tâm, chăm sóc vợ con. Chị và anh C đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, mỗi người đã có cuộc sống riêng không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh C, hôn nhân mâu thuẫn không thể hàn gắn nên chị xin ly hôn với anh Võ C.

Về con chung, chị và anh C có 01 con chung tên Võ T, sinh ngày 29/10/2014. Hiện tại, cháu T đang sống với chị. Chị yêu cầu được nuôi cháu T, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị D khai chị và anh C không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Võ C trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án

tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Quan hệ tranh chấp giữa chị Đặng T với anh Võ V là *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"*, bị đơn anh C hiện đang cư trú tại ấp B, xã C, huyện G, tỉnh B nên căn cứ vào Khoản 1 Điều 35 và Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh B.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, nhiều thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn anh Võ C vẫn vắng mặt không lý do. Vì vậy, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tiến hành lập biên bản không thể tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn anh C vẫn vắng mặt không lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh C.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị D và anh C tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh B vào ngày 10/11/2014 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xem là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Tuy nhiên, sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, chị D xác định không còn tình cảm với anh C do anh C không quan tâm chăm sóc gia đình. Chị nhiều lần khuyên anh C nên thay đổi tính tình nhưng anh C vẫn không thay đổi. Anh chị đã không sống chung với nhau từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, vì vậy tình cảm vợ chồng đã nhạt phai, không thể hàn gắn nên chị D xin ly hôn với anh C.

Hội đồng xét xử nhận thấy, chị D và anh C đã ly thân từ tháng 01 năm 2017 cho đến nay, trong khoảng thời gian này chị D, anh C có thể suy nghĩ và bàn bạc phương án hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh chị vẫn không làm được. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành mở phiên hòa giải nhằm mục đích hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh C vẫn không đến tham dự phiên hòa giải. Điều đó cho thấy, anh C không thể hiện mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Hiện tại, chị D xác định không còn tình cảm với anh C. Tại phiên tòa, chị D vẫn cương quyết ly hôn và chị không đồng ý trở về chung sống với anh C. Từ những phân tích trên, có cơ sở để xác định tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C, chị D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì tình trạng này sẽ ảnh hưởng đến đời sống bình thường của các thành viên trong gia đình nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D.

[3] *Về con chung:* Chị D và anh C có 01 con chung tên Võ T, sinh ngày 29/10/2014. Hiện tại cháu T sống với chị D, chị D có yêu cầu được nuôi con.

Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi chị D không chung sống với anh C thì cháu T do chị D trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống của cháu T thì cần giao cháu cho chị D tiếp tục nuôi dưỡng.

Theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình thì sau khi ly hôn *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* nhưng chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con chung nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị D khai chị và anh C không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Chị D phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207 và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng D. Chị Đặng D được ly hôn với anh Võ C.

- *Về con chung:* Chị Đặng D và anh Võ C có 01 con chung tên Võ T, sinh ngày 29/10/2014. Chị Đặng D được trực tiếp trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T cho đến khi đủ 18 tuổi. Ghi nhận chị D không yêu cầu anh C cấp dưỡng cho con chung.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại Khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- *Về tài sản chung và về nợ chung:* Chị D khai chị và anh C không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị D phải chịu 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị D đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011775 ngày 10 tháng 7 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre. Chị D đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, nguyên đơn có quyền kháng cáo. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- UBND xã T;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gẩm